TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 355/2019/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuân

2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Hoàng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về ‘‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Lầu 8, Số 266 – 268 đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – sinh năm 1973; Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M – sinh năm 1970 (Theo văn bản ủy quyền số: 292/2018/UQ-TTT ngày 13/3/2019). (Ông Lã Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 11/5/15 Khu phố 2, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Lưu Văn K – sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 405/15/7B Phạm Văn H, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/3/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần S cùng trình bày của ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì: Ngày 24/4/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lưu Văn K (gọi tắt là ông K) có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Căn cứ vào thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng cho ông K là 20.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.130.000đ và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.731.391đ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/3/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, tính đến ngày 28/02/2019 ông K còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 15.637.480đ; Lãi quá hạn: 14.102.715đ. Tộng cộng: 29.740.195đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K phải thanh toán ngay số nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/02/2019 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định của hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông K để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông K đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay.

Ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án tính tiền gốc và lãi mà ông K phải thanh toán tính đến ngày 26/8/2019 gồm: Tiền gốc: 15.637.480, tiền lãi: 17.601.628đ, tổng cộng: 33.239.108đ.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - ông K vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật; ông K vắng mặt lần thứ hai, Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2019 của Ngân hàng TMCP S, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/4/2012 và kết quả xác minh ngày 09/4/2019 của Công an Phường A, quận T thể hiện ông K có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 405/15/7B Phạm Văn H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. ông K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Lần thứ nhất vào ngày 29/7/2019, lần thứ hai ngày 26/8/2019), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông K phải thanh toán tiền nợ gốc: 15.637.480, tiền lãi: 17.601.628đ, tổng cộng: 33.239.108đ. Tòa án xét thấy:

Căn cứ bản sao giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/4/2012 thì giữa Ngân hàng và ông K đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ. Theo thỏa thuận thì Ngân hàng thông báo chi tiết các giao dịch phát sinh, các khoản lãi, phí, số dư nợ, thời hạn thanh toán, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ này đối với ông K, nhưng ông K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, ngày 11/03/2017 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo bảng chiết tính của Ngân hàng thì tính đến ngày 26/8/2019 số nợ còn lại của ông K gồm: Tiền nợ gốc: 15.637.480, tiền lãi: 17.601.628đ, tổng cộng: 33.239.108đ.

Quá trình giải quyết vụ án ông K không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với ông K nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trong quá trình tham gia tố tụng. Tòa án xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông K phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/8/2019 là 33.239.108đ.

[4] Đối với yêu cầu ông K phải thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 26/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ của Ngân hàng, Tòa án xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc ông K phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 26/8/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/4/2012 cho Ngân hàng đến khi thi hành án xong.

[5] Về thời hạn thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông K phải thanh toán ngay số nợ trên. Tòa án xét thấy: Từ ngày 11/03/2017 khoản nợ của ông K đã chuyển sang nợ quá hạn nhưng ông K vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi

ích hợp pháp của Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu ông K phải thanh toán ngay khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật. Xét, yêu cầu của Ngân hàng buộc ông K phải thanh toán nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, không trái luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông K phải chịu 1.661.956đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng 743.505đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

a. Buộc ông Lưu Văn K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/8/2019 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/4/2012, cụ thể như sau:

Nợ gốc: 15.637.480đ (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Nợ lãi quá hạn: 17.601.628đ (mười bày triệu sáu trăm lẻ một ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng).

Tổng cộng: 33.239.108đ (ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín ngàn một trăm lẻ tám đồng).

b. Kể từ ngày 27/8/2019, ông Lưu Văn K phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/4/2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Lưu Văn K cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/4/2019 giữa các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lưu Văn K vay phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về thời hạn thi hành án: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm là 1.661.956đ (một triệu sáu trăm sáu mươi mốt ngàn chín trăm năm mươi sáu đồng) do ông Lưu Văn K chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 743.505đ (bảy trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm lẻ năm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038122 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Bình, TP. HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình, TP. HCM;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tiến Quang